

Số: 257/2019/CV-KPF

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh

Mã chứng khoán: **KPF**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 17, Tòa nhà Geleximco, số 36 phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận  
Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84-24-39970803

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính riêng bán niên 2019 soát xét

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2019 tại  
đường link Website của công ty: <http://kpf.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm  
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Dặng Quang Hải*

Số: 258/2019/KPF - CV

(V/v: Giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi  
nhuận sau thuế thu nhập thay đổi trên 10% so  
với báo cáo cùng kỳ năm trước)

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức niêm yết : **Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh**
2. Mã chứng khoán : **KPF**
3. Địa chỉ : Tầng 17 tòa nhà Geleximco số 36 phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Nội dung : **Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh** xin giải trình về lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố bán niên 2019 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm 2018.

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số liệu trên BCTC riêng bán niên 2019 đã soát xét	Số liệu trên BCTC riêng bán niên 2018 đã soát xét	Số liệu trên BCTC hợp nhất bán niên 2019 đã soát xét	Số liệu trên BCTC hợp nhất bán niên 2018 đã soát xét
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.093.843.560	3.297.296.726	2.024.980.654	20.824.922.225

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên BCTC riêng của công ty mẹ bán niên 2019 tăng so với cùng kỳ năm 2018 là do bán niên năm 2019 công ty ghi nhận doanh thu tài chính cao hơn từ hoạt động hợp tác đầu tư.

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên BCTC hợp nhất bán niên 2019 giảm so với cùng kỳ năm 2018 do doanh thu thuần giảm trong khi giá vốn chiếm tỷ lệ cao hơn.



Vậy, Công ty Cổ phần đầu tư tài chính Hoàng Minh gửi công văn giải trình đề Quý Ủy ban và Quý Sở cùng các nhà đầu tư được biết.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.



**Dặng Quang Thái**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH**

Tầng 17, Tòa nhà Geleximco, số 36 phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 – 5
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ</b>	6 – 7
<b>Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét:</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	8 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	12
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	13 – 36

11/0/0, c. 10/11

11/0/0, c. 10/11

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (được đổi tên từ Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF từ ngày 08 tháng 06 năm 2017) thành lập và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và thay đổi lần thứ 09 ngày 19 tháng 06 năm 2019.

**Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANGMINH FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.**

**Tên Công ty viết tắt: HM FINANCE INVEST.,JSC.**

### **Ngành nghề kinh doanh:**

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. *Chi tiết:*
- Hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất vật liệu từ đất sét: Sản phẩm gạch tuynel;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 17, Tòa nhà Geleximco, số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

**Vốn điều lệ của Công ty:** Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 180.178.960.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng ./.*). Tương đương với 18.017.896 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

20  
G  
C  
M  
10  
Y

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH**

Tầng 17, Tòa nhà Geleximco, số 36 phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Kiều Xuân Nam	Chủ tịch HĐQT	
Ông Đặng Quang Thái	Thành viên HĐQT	
Ông Vũ Đức Toàn	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 04/04/2019
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 04/04/2019
Ông Trần Văn Trúc	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm ngày 23/04/2019
Ông Nguyễn Đình Duy	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm ngày 23/04/2019
Hoàng Thùy Trang	Thành viên HĐQT độc lập	

**Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Bà Dương Thị Thanh Tùng	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Trần Trung Hiếu	Thành viên BKS	Bỏ nhiệm ngày 23/04/2019
Ông Đỗ Hoàng Linh	Thành viên BKS	Bỏ nhiệm ngày 23/04/2019
Bà Nguyễn Thị Hà Giang	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 23/04/2019
Ông Phan Huy Lễ	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 23/04/2019

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Đặng Quang Thái	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH**

Tầng 17, Tòa nhà Geleximco, số 36 phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

---

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng có lợi ích công chúng khác theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.







**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
**TTP AUDITTING LIMITED COMPANY**

Số : 306 /BCKT/TC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019  
của Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh*

**Kính gửi:** Quý cổ đông  
Hội đồng Quản trị  
Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh

Chúng tôi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh được lập ngày 14 tháng 08 năm 2019 gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 được trình bày từ trang 08 đến trang 36 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và

các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán. .

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

*Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**



**Trần Thị Hạnh**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán*

*Số: 0726 -2018 -133 -1*

T.N.H.H.K  
T.M.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>208.137.472.881</b>	<b>102.411.818.712</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>1.274.341.677</b>	<b>12.820.387.529</b>
1. Tiền	111		1.274.341.677	12.820.387.529
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>190.799.005.546</b>	<b>74.319.363.972</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.02</b>	187.144.725.904	68.579.029.270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.03</b>	3.375.453.386	3.397.453.386
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HỖXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.04a</b>	278.826.256	2.342.881.316
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>13.849.888.000</b>	<b>13.380.040.508</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.849.888.000	13.380.040.508
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.214.237.658</b>	<b>1.892.026.703</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.212.237.658	1.890.026.703
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	<b>V.12b</b>	2.000.000	2.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>147.099.152.485</b>	<b>144.762.879.240</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.673.870.950</b>	<b>1.099.800.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.04b</b>	3.673.870.950	1.099.800.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

(Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính : VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.788.768.363</b>	<b>2.025.771.087</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.788.768.363	2.025.771.087
- Nguyên giá	222		2.227.116.364	2.227.116.364
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(438.348.001)	(201.345.277)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.896.034.581</b>	<b>1.844.325.742</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.06	1.896.034.581	1.844.325.742
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.09	<b>139.500.000.000</b>	<b>139.500.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		139.500.000.000	139.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>240.478.591</b>	<b>292.982.411</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	240.478.591	292.982.411
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>355.236.625.366</b>	<b>247.174.697.952</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019  
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Đơn vị tính : VND
				Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>168.896.012.195</b>	<b>56.347.928.341</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>168.896.012.195</b>	<b>56.347.928.341</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	152.861.089.034	50.905.003.881
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	8.574.605.964	3.294.662.714
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	1.132.973.952	1.665.645.816
4. Phải trả người lao động	314		261.190.785	458.635.430
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	66.152.460	23.980.500
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	6.000.000.000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>186.340.613.171</b>	<b>190.826.769.611</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>186.340.613.171</b>	<b>190.826.769.611</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.178.960.000	171.600.000.000
- Cổ phần phổ thông	411A		180.178.960.000	171.600.000.000
- Cổ phần có quyền ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(30.000.000)	(30.000.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.191.653.171	19.256.769.611
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.097.809.611	10.942.975.601
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.093.843.560	8.313.794.010
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>355.236.625.366</b>	<b>247.174.697.952</b>

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập



Phạm Thị Trâm

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Ngát



Tổng Giám đốc



Đặng Quang Thái

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND  
6 tháng đầu năm  
2018

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	252.628.085.077	157.362.947.026
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		252.628.085.077	157.362.947.026
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	252.229.121.051	156.982.018.656
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		398.964.026	380.928.370
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.002.518.730	7.479.855.773
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	273.250.000	140.350.504
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		273.250.000	140.350.504
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7.964.416.512	3.562.533.310
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		5.163.816.244	4.157.900.329
11. Thu nhập khác	31	VI.7	100.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.8	569.435	29.023.537
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(469.435)	(29.023.537)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.163.346.809	4.128.876.792
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.069.503.249	831.580.066
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.093.843.560	3.297.296.726

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập

Phạm Thị Trâm

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Ngát

Tổng Giám đốc



Đặng Quang Thái

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Theo phương pháp gián tiếp**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>6 tháng đầu năm 2019</b>	
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế			5.163.346.809	4.128.
2. Điều chỉnh cho các khoản	01		(12.492.266.006)	(7.334.)
+ Khấu hao tài sản cố định	02		237.002.724	4
+ Các khoản dự phòng	03		-	
+ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.002.518.730)	(7.479.)
+ Chi phí lãi vay	06		273.250.000	140
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.328.919.197)	(3.206.)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(121.469.978.539)	(77.371.)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(469.847.492)	(9.213.)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		106.670.877.897	11.941
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		794.981	(316.)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(273.250.000)	(42.)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.192.297.292)	(4.340.)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</b>	<b>20</b>		<b>(24.062.619.642)</b>	<b>(82.549.)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			(80.)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(181.165.)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24			180.874
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(60.148.826.256)	(72.000.)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		60.000.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.245.400.046	888
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>15.096.573.790</b>	<b>(71.482.)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		66.000.000.000	30.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(60.000.000.000)	(916.)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.580.000.000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC</b>	<b>40</b>		<b>(2.580.000.000)</b>	<b>29.083</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>12.820.387.529</b>	<b>137.485.</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>1.274.341.677</b>	<b>12.537</b>

Người lập  
  
Phạm Thị Trâm

Kế toán trưởng  
  
Hoàng Thị Ngát

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019





## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019*

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng*

*Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") (được đổi tên từ Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF từ ngày 08 tháng 06 năm 2017) thành lập và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và thay đổi lần thứ 09 ngày 19 tháng 06 năm 2019.

*Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANGMINH FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.*

*Tên Công ty viết tắt: HM FINANCE INVEST., JSC.*

#### **Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất vật liệu từ đất sét: Sản phẩm gạch tuynel;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 17, Tòa nhà Geleximco, số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

**Vốn điều lệ của Công ty:** Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 180.178.960.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng ./.). Tương đương với 18.017.896 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

### **I. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Kế toán trên máy vi tính.

### **4. Các thông tin khác**

Năm 2019 Công ty ký kết thêm nhiều hợp đồng bán vật liệu xây dựng với các đối tác. Do vậy doanh thu 6 tháng đầu năm 2019 tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

## **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

#### **1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào tài khoản doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

#### **1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Nguyên vật liệu và hàng hóa được xác định theo phương pháp thực tế đích danh, thành phẩm được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và hàng hóa được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ .

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:**



**4.1. Nguyên tắc xác định khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải thu đã phát hành hoá đơn tại thời điểm báo cáo, theo hợp đồng xây dựng đã ký qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

**4.2. Nguyên tắc xác định khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải trả đã nhận được hoá đơn tại thời điểm báo cáo của nhà thầu, khi hợp đồng xây dựng đã ký qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch,

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất được ghi nhận trên cơ sở khoản chi phí đầu tư để có được quyền sử dụng đất hợp pháp và các chi phí liên quan đến việc đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (nếu có) và lệ phí trước bạ.

**5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-30 năm
- Máy móc, thiết bị	05-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	02-08 năm

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

**6.1. Nguyên tắc ghi nhận**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

## **6.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính**

### **- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu tư} \\ \text{tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại tổ} \\ \text{chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

### **- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng giảm} \\ \text{giá đầu tư} \\ \text{chứng} \\ \text{khoản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng} \\ \text{khoản bị giảm giá tại} \\ \text{thời điểm lập Báo} \\ \text{cáo tài chính giữa} \\ \text{niên độ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoản hạch} \\ \text{toán trên sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoản thực tế} \\ \text{trên thị trường} \end{array}$$

### **- Đối với chứng khoán đã niêm yết:**

- + Giá chứng khoán thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- + Giá chứng khoán thực tế trên các sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

### **- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:**

- + Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- + Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

##### **Chi phí trả trước:**

*Chi phí trả trước ngắn hạn* : Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

*Chi phí trả trước dài hạn* : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn ;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn ;
- Các chi phí khác.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí chỉ là lãi vay phải trả, chi phí khác...

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán .

Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối mỗi kỳ kế toán. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp (hoặc được hoàn nhập

*ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp)* của kỳ kế toán đó. Riêng đối với dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm hàng hoá được ghi nhận vào chi phí bán hàng, dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận và chi phí chung.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp và số đã lập lớn hơn (*hoặc nhỏ hơn*) chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch được hoàn nhập được ghi nhận vào thu nhập khác (*hoặc ghi nhận vào chi phí sản xuất chung*).

## **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

**Nguyên tắc ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:** Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu quỹ của Công ty. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

**Nguyên tắc ghi nhận cổ tức:** Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

**Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:** Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

## **13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

**Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

**Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:**

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

#### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### **14.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**14.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

**14.3. Doanh thu Hợp đồng xây dựng:** Phần công việc hoàn thành của hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

**14.4. Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí tài chính:**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- **Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: Cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Tiền mặt	154.379.810	2.771.268.344
- Tiền gửi tại ngân hàng	1.119.961.867	10.049.119.185
+ Tiền gửi VND	1.119.961.867	10.049.119.185
- Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam	1.088.837.582	10.007.903.210
- Các Ngân hàng khác	31.124.285	41.215.975
<b>Cộng</b>	<b>1.274.341.677</b>	<b>12.820.387.529</b>

**2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Xây dựng Mê Kông Toàn Cầu	28.780.000.000		52.127.983.745	
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Văn Đức (*)	128.279.237.731		11.436.377.523	
Cty TNHH thương mại DV&ĐT Việt Đạt	3.908.615.800		3.908.615.800	
Công ty TNHH TM và ĐT XD Thiên Kim	25.070.820.171		-	
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Đất Việt	828.810.342		828.810.342	
Các khách hàng khác	277.241.860		277.241.860	
<b>Cộng</b>	<b>187.144.725.904</b>	<b>-</b>	<b>68.579.029.270</b>	<b>-</b>

(\*) Theo hợp đồng kinh tế số: 25.01.03/2019/HM-VĐ và Hợp đồng kinh tế số: 05/06/2019/HM-VĐ. Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh sẽ cung cấp thép và xi măng cho Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Văn Đức. Tổng Giá trị 2 hợp đồng: 175.095.736.160 đồng, Số dư Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Văn Đức còn phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh tại 30/06/2019 là: 128.279.237.731 đồng.

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty cổ phần SX&TM An Phú Hưng	1.068.551.984	-	1.068.551.984	-
Công ty CP tập đoàn Bắc Đô	1.145.586.402		1.145.586.402	
Công ty Cổ Phần Khoan Đa Dụng- Xử Lý Nước Nam	746.897.000		746.897.000	
Công ty TNHH PT giải pháp và Công nghệ H&T	404.418.000		404.418.000	
Các khách hàng khác	10.000.000		32.000.000,00	
<b>Cộng</b>	<b>3.375.453.386</b>	<b>-</b>	<b>3.397.453.386</b>	<b>-</b>

**4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
Ngắn hạn	278.826.256	-	2.342.881.316	-
- Tạm ứng	130.000.000	-	100.000.000	-
- Phải thu khác (*)	148.826.256	-	2.242.881.316	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>3.673.870.950</b>	<b>-</b>	<b>1.099.800.000</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	3.673.870.950	-	1.099.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.952.697.206</b>	<b>-</b>	<b>3.442.681.316</b>	<b>-</b>

(\*) Hợp đồng góp vốn đầu tư số: 1504A/2019/HĐGVĐT ngày 15/04/2019. Theo đó, Công ty cổ phần đầu tư tài chính Hoàng Minh đồng ý góp vốn cho Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines để thực hiện công tác thuê đơn vị khảo sát xây dựng; giám sát và thẩm tra kết quả khảo sát xây dựng phục vụ lập thiết kế cơ sở dự án: "Cảng tổng hợp và trung tâm phân phối hàng" tại khu công nghiệp Mỹ Xuân- Tân Thành- Bà Rịa Vũng Tàu. Tính đến thời điểm 30/06/2019 Công ty cổ phần đầu tư tài chính Hoàng Minh đã chuyển cho Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines số tiền: 148.826.256 đồng.

**5. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
- Hàng mua đang đi đường (*)	13.849.888.000	-	-	-
- Hàng hóa	-	-	13.380.040.508	-
<b>Cộng</b>	<b>13.849.888.000</b>	<b>-</b>	<b>13.380.040.508</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là giá trị của lô than nhiệt Indonesia (00mm-50mm, than nguyên khai 90%min, độ ẩm 46%, chất bốc 40%, lưu huỳnh 0,6%, nhiệt trị 3400Kcal/kg. Hàng đã về cảng ngày 27/6/2019 và công ty đang hoàn thành thủ tục nhập kho, nhận hàng vào T7/2019.

**6. TÀI SẢN DỬ DANG DÀI HẠN**

Xây dựng cơ bản dở dang	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Chi phí sửa chữa văn phòng	1.896.034.581	1.844.325.742
<b>Cộng</b>	<b>1.896.034.581</b>	<b>1.844.325.742</b>

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Dài hạn	240.478.591	292.982.411
Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ	240.478.591	292.982.411
<b>Cộng</b>	<b>240.478.591</b>	<b>292.982.411</b>

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

NỘI DUNG	Thiết bị dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ TSCĐ</b>				
Số dư đầu năm	205.936.364	1.973.880.000	47.300.000	2.227.116.364
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	205.936.364	1.973.880.000	47.300.000	2.227.116.364
<b>HAO MÒN TSCĐ</b>				
Số dư đầu năm	30.084.989	164.490.000	6.770.288	201.345.277
Số tăng trong kỳ	31.731.390	197.388.000	7.883.334	237.002.724
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	31.731.390	197.388.000	7.883.334	237.002.724
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	61.816.379	361.878.000	14.653.622	438.348.001
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu năm	175.851.375	1.809.390.000	40.529.712	2.025.771.087
Số dư cuối kỳ	144.119.985	1.612.002.000	32.646.378	1.788.768.363

- Giá trị còn lại của tài sản đem cầm cố thế chấp tại ngày 30/06/2019: 0 VND
- Nguyên giá tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2019 đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng là: 0 VND.

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH**

Tầng 17, tòa nhà Geleximco, số 36 Phố Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa- Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	139.500.000.000	-	139.500.000.000	139.500.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm (*)	139.500.000.000	-	139.500.000.000	139.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>139.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>139.500.000.000</b>	<b>139.500.000.000</b>

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2019 như sau:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm (*)	Lô D14C - Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	93,00%	93,00%	- Xây dựng nhà các loại; - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật - Hoàn thiện công trình xây dựng; - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

(\*) Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm hiện nay là Chủ đầu tư Khu Prime Resort với diện tích 13ha tại Lô D14C - Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>152.861.089.034</b>	<b>152.861.089.034</b>	<b>50.905.003.881</b>	<b>50.905.003.881</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Vạn Cát	-	-	9.972.694.511	9.972.694.511
Công ty Cổ Phần ITACA Việt Nam	-	-	16.428.555.395	16.428.555.395
Công ty TNHH Thanh Xoan	-	-	7.012.194.200	7.012.194.200
Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Xuân	-	-	10.166.053.827	10.166.053.827
Công ty TNHH IFD Thăng Long (*)	94.995.111.300	94.995.111.300	-	-
Công ty TNHH LEGOMAZ	33.547.000.000	33.547.000.000	-	-
Cty CP đầu tư XD&PT công nghệ Vina A1	1.229.486.832	1.229.486.832	1.229.486.832	1.229.486.832
Công ty CP ĐT&XD Mạnh Quân	3.213.178.000	3.213.178.000	3.213.178.000	3.213.178.000
Các khách hàng khác	19.876.312.902	19.876.312.902	2.882.841.116	2.882.841.116
<b>Cộng</b>	<b>152.861.089.034</b>	<b>152.861.089.034</b>	<b>50.905.003.881</b>	<b>50.905.003.881</b>

(\*) Hợp đồng kinh tế số: 1506/2019/IF-HM ngày 15/06/2019. Công ty Cổ phần đầu tư Tài chính Hoàng Minh tiến hành mua thép của Công ty TNHH IFD Thăng Long. Giá trị theo hợp đồng: 94.995.111.300 đồng. Hàng sẽ được vận chuyển thành nhiều đợt.

**11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>8.574.605.964</b>	<b>8.574.605.964</b>	<b>3.294.662.714</b>	<b>3.294.662.714</b>
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	3.294.662.714	3.294.662.714	3.294.662.714	3.294.662.714
Công ty TNHH Than Cảng Sài Gòn - CN Long An	5.279.943.250	5.279.943.250	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.574.605.964</b>	<b>8.574.605.964</b>	<b>3.294.662.714</b>	<b>3.294.662.714</b>

Người mua trả tiền trước là bên liên quan

		Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Công ty con	3.294.662.714	3.294.662.714

**12a. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp	-	1.384.988.800	1.384.988.800	-
Thuế TNDN	544.473.555	1.069.503.249	1.192.297.292	421.679.512
Thuế thu nhập cá nhân	1.121.172.261	744.388.627	1.154.266.448	711.294.440
Thuế bảo vệ môi trường	-	312.000.000	312.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.665.645.816</b>	<b>3.510.880.676</b>	<b>4.046.552.540</b>	<b>1.132.973.952</b>

**12b. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ
	(a)	(b)	(c)	
Thuế khác	2.000.000	-	-	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000</b>			<b>2.000.000</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	<b>66.152.460</b>	<b>23.980.500</b>
- Bảo hiểm xã hội	48.841.014	15.161.450
- Bảo hiểm y tế	13.478.489	7.447.882
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.832.957	1.371.168
<b>Cộng</b>	<b>66.152.460</b>	<b>23.980.500</b>

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH ( Phụ lục 01)**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO  
KẾT QUẢ KINH DOANH**

1. DOANH THU	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>252.628.085.077</b>	<b>157.362.947.026</b>
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	252.628.085.077	157.362.947.026
<b>Cộng</b>	<b>252.628.085.077</b>	<b>157.362.947.026</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>6 tháng đầu năm 2019</b>	<b>6 tháng đầu năm 2018</b>
	VND	VND
	<b>252.628.085.077</b>	<b>157.362.947.026</b>
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	252.628.085.077	157.362.947.026
<b>2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>6 tháng đầu năm 2019</b>	<b>6 tháng đầu năm 2018</b>
	VND	VND
	<b>252.229.121.051</b>	<b>156.982.018.656</b>
- Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	252.229.121.051	156.982.018.656
<b>Cộng</b>	<b>252.229.121.051</b>	<b>156.982.018.656</b>
<b>3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>6 tháng đầu năm 2019</b>	<b>6 tháng đầu năm 2018</b>
	VND	VND
	<b>2.518.730</b>	<b>14.376.321</b>
- Lãi tiền gửi	2.518.730	14.376.321
- Lãi cho vay	-	1.165.479.452
- Thu lãi từ hợp tác đầu tư cổ phiếu (*)	13.000.000.000	6.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.002.518.730</b>	<b>7.479.855.773</b>

**(\*) Khoản lãi hợp tác với Bà: Cao Thị Thu Hằng**

- Đây là khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Đầu tư tài chính Hoàng Minh với Bà Cao Thị Thu Hằng- NV Kinh doanh (là cổ đông sở hữu 0,7% vốn KPF) theo Hợp đồng hợp tác số 08/2019/HĐ-KPF ngày 13/03/2019 để góp vốn đầu tư kinh doanh cổ phiếu theo danh mục và giá cổ phiếu đã được hai bên đã thỏa thuận. Theo đó, Bà Hằng sẽ là đại diện cho cả hai bên thực hiện các thủ tục để đầu tư cổ phiếu.

Tổng giá trị hợp tác đầu tư là: 31.250.000.000 đồng (Trong đó Công ty góp: 30 tỷ; Bà Hằng góp 1.250.000.000 đồng); Lợi nhuận thu được sau khi trừ đi các chi phí có liên quan sẽ được chia cho 2 bên theo tỷ lệ vốn góp.

Theo Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 29/03/2019, được ký kết giữa hai bên, lợi nhuận của Hợp đồng hợp tác thu được là 6.250.000.000 đồng; Công ty được hưởng 96% lợi nhuận tương ứng 6.000.000.000 đồng.

**Khoản lãi hợp tác với Ông Nguyễn Tuấn Tú**

- Đây là khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Đầu tư tài chính Hoàng Minh với Ông Nguyễn Tuấn Tú- NV Kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác số 35/2019/HĐ-KPF ngày 05/06/2019 để góp vốn đầu tư kinh doanh cổ phiếu theo danh mục và giá cổ phiếu đã được hai bên đã thỏa thuận. Theo đó, Ông Tú sẽ là đại diện cho cả hai bên thực hiện các thủ tục để đầu tư cổ phiếu.

Tổng giá trị hợp tác đầu tư là: 37.500.000.000 đồng (Trong đó Công ty góp: 30 tỷ; Ông Tú góp 7.500.000.000 đồng); Lợi nhuận thu được sau khi trừ đi các chi phí có liên quan sẽ được chia cho 2 bên theo tỷ lệ vốn góp.

Theo Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 25/06/2019, được ký kết giữa hai bên, lợi nhuận của Hợp đồng hợp tác thu được là 8.750.000.000 đồng; Công ty được hưởng 80% lợi nhuận tương ứng 7.000.000.000 đồng.



**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
- Lãi tiền vay	273.250.000	140.350.504
<b>Cộng</b>	<b>273.250.000</b>	<b>140.350.504</b>

**5. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
- Chi phí nhân công	4.361.315.223	2.841.462.036
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	237.002.724	4.520.644
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	318.085.638	36.714.896
- Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.010.768.927	653.591.887
- Chi phí khác bằng tiền	34.244.000	23.243.847
<b>Cộng</b>	<b>7.964.416.512</b>	<b>3.562.533.310</b>

**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
- Chi phí nhân công	4.361.315.223	2.841.462.036
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	237.002.724	4.520.644
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	318.085.638	36.714.896
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.010.768.927	653.591.887
- Chi phí khác bằng tiền	34.244.000	23.243.847
- Chi phí dự phòng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.964.416.512</b>	<b>3.562.533.310</b>

**7. THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Thu nhập khác	100.000	-
<b>Cộng</b>	<b>100.000</b>	<b>-</b>

**8. CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp bảo hiểm, phạt thuế,	569.435	29.023.537
<b>Cộng</b>	<b>569.435</b>	<b>29.023.537</b>

**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Lợi nhuận trước thuế	5.163.346.809	4.128.876.792
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	184.169.435	29.023.537
Các khoản điều chỉnh tăng	184.169.435	29.023.537
- Chi phí không hợp lệ	569.435	29.023.537
- Chi lãi vay tương ứng vốn góp thiếu		
- Phụ cấp HDQT	183.600.000	
Lợi nhuận chịu thuế	5.347.516.244	4.157.900.329
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.069.503.249	831.580.066
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.069.503.249</b>	<b>831.580.066</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.274.341.677		12.820.387.529	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	191.097.423.110	-	72.021.710.586	-
Các khoản cho vay	-		-	
Đầu tư ngắn hạn	-		-	
Đầu tư dài hạn khác	139.500.000.000		139.500.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>331.871.764.787</b>	<b>-</b>	<b>224.342.098.115</b>	<b>-</b>

  

Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	6.000.000.000	
Phải trả người bán, phải trả khác	152.927.241.494	50.928.984.381
<b>Cộng</b>	<b>158.927.241.494</b>	<b>50.928.984.381</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

NH  
HA  
T. H. S. T. M.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.274.341.677			1.274.341.677
Phải thu khách hàng, phải thu khác	187.423.552.160	3.673.870.950		191.097.423.110
Đầu tư dài hạn		139.500.000.000		139.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>188.697.893.837</b>	<b>143.173.870.950</b>	<b>-</b>	<b>331.871.764.787</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.820.387.529			12.820.387.529
Phải thu khách hàng, phải thu khác	70.921.910.586	1.099.800.000		72.021.710.586
Đầu tư dài hạn		139.500.000.000		139.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>83.742.298.115</b>	<b>1.099.800.000</b>	<b>-</b>	<b>84.842.098.115</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	6.000.000.000	-		6.000.000.000
Phải trả NB, phải trả khác	152.927.241.494			152.927.241.494
Chi phí phải trả	-			-
<b>Cộng</b>	<b>158.927.241.494</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>158.927.241.494</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	-	-		-
Phải trả NB, phải trả khác	50.928.984.381			50.928.984.381
<b>Cộng</b>	<b>50.928.984.381</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>50.928.984.381</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**2. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	<i>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</i>	<i>Xây lắp</i>	Đơn vị tính: VND
			<b>Tổng</b>
Doanh thu thuần ra bên ngoài	252.628.085.077	-	252.628.085.077
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>252.628.085.077</b>	-	<b>252.628.085.077</b>
Chi phí bộ phận	252.229.121.051	-	252.229.121.051
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>			<b>398.964.026</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>			<b>7.964.416.512</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(7.565.452.486)
Doanh thu hoạt động tài chính			13.002.518.730
Chi phí tài chính			273.250.000
Chi phí khác			569.435
Thuế TNDN hiện hành			1.069.503.245
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>4.093.843.560</b>

**3. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần liên quan, Trong kỳ không có thêm các phát sinh bên liên quan khác cần trình bày trên Báo cáo tài chính

**Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong 6 tháng đầu năm 2019 là: 607.701.657 VND.**

**4. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 30/06/2018 đã được công ty TNHH Kiểm toán TTP soát xét; Số liệu trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Người lập



Phạm Thị Trâm

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Ngát

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đặng Quang Thái

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH**

Tầng 17, tòa nhà Geleximco, số 36 Phố Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa- Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Phụ lục 1**

**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	6.000.000.000	-	66.000.000.000	60.000.000.000	-	-
Vay cá nhân						
- Bà Cao Thị Thu Hằng	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
- Ông Hoàng Anh Tuấn (*)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Tuấn Tú	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>66.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Chi tiết số dư cuối kỳ:

- Theo Hợp đồng mượn tiền số 0804/2019/HĐVV/KPF và hợp đồng mượn tiền số: 0103/2019/HĐVV/KPF. Ông Hoàng Anh Tuấn cho Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh mượn tiền với lãi suất 0%/năm. Thời hạn mượn tiền 6 tháng. Hình thức đảm bảo: tín chấp. Số dư tại 30/06/2019 cho khoản vay trên là: 6.000.000.000 đồng.